

Biểu mẫu 12

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN  
TRƯỜNG THCS ĐÔNG THẠNH

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025**

| STT | Nội dung                                       | Tổng số | Trình độ đào tạo |     |    |    |    |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |         |        | Chuẩn nghề nghiệp |     |       |     |
|-----|------------------------------------------------|---------|------------------|-----|----|----|----|---------|----------------------------|---------|--------|-------------------|-----|-------|-----|
|     |                                                |         | TS               | ThS | ĐH | CD | TC | Dưới TC | Hạng III                   | Hạng II | Hạng I | Xuất sắc          | Khá | TBinh | Kém |
|     | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên | 115     | 0                | 6   | 97 | 4  | 5  | 3       | 66                         | 38      | 0      | 0                 | 88  | 16    | 0   |
| I   | Giáo viên                                      | 102     | 0                | 5   | 93 | 4  | 0  | 0       | 66                         | 36      | 0      | 0                 | 86  | 16    | 0   |
|     | Trong đó số giáo viên dạy môn:                 |         |                  |     |    |    |    |         |                            |         |        |                   |     |       |     |
| 1   | Toán                                           | 18      | 0                | 1   | 16 | 1  | 0  | 0       | 11                         | 7       | 0      | 0                 | 18  | 0     | 0   |
| 2   | KHTN                                           | 18      | 0                | 4   | 14 | 0  | 0  | 0       | 12                         | 6       | 0      | 0                 | 15  | 3     | 0   |
| 3   | Văn                                            | 18      | 0                | 0   | 18 | 0  | 0  | 0       | 12                         | 6       | 0      | 0                 | 16  | 2     | 0   |
| 4   | Tiếng anh                                      | 12      | 0                | 0   | 12 | 0  | 0  | 0       | 7                          | 5       | 0      | 0                 | 11  | 1     | 0   |
| 5   | KHXH                                           | 14      | 0                | 0   | 14 | 0  | 0  | 0       | 10                         | 4       | 0      | 0                 | 11  | 3     | 0   |
| 6   | Công nghệ                                      | 5       | 0                | 0   | 5  | 0  | 0  | 0       | 3                          | 2       | 0      | 0                 | 5   | 0     | 0   |
| 7   | Thể dục                                        | 6       | 0                | 0   | 4  | 2  | 0  | 0       | 5                          | 1       | 0      | 0                 | 1   | 5     | 0   |
| 8   | Âm nhạc                                        | 2       | 0                | 0   | 1  | 1  | 0  | 0       | 2                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 2     | 0   |
| 9   | Mỹ thuật                                       | 2       | 0                | 0   | 2  | 0  | 0  | 0       | 1                          | 1       | 0      | 0                 | 2   | 0     | 0   |
| 10  | Tin học                                        | 6       | 0                | 0   | 6  | 0  | 0  | 0       | 2                          | 4       | 0      | 0                 | 6   | 0     | 0   |
| 11  | Tổng phụ trách                                 | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 1                          | 0       | 0      | 0                 | 1   | 0     | 0   |
| II  | Cán bộ quản lý                                 | 2       | 0                | 1   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 2       | 0      | 0                 | 2   | 0     | 0   |
| 1   | Hiệu trưởng                                    | 1       | 0                | 1   | 0  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 1       | 0      | 0                 | 1   | 0     | 0   |
| 2   | Phó hiệu trưởng                                | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 1       | 0      | 0                 | 1   | 0     | 0   |
| III | Nhân viên                                      | 11      | 0                | 0   | 3  | 0  | 5  | 3       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |

| STT | Nội dung                                       | Tổng số | Trình độ đào tạo |     |    |    |    |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |         |        | Chuẩn nghề nghiệp |     |       |     |
|-----|------------------------------------------------|---------|------------------|-----|----|----|----|---------|----------------------------|---------|--------|-------------------|-----|-------|-----|
|     |                                                |         | TS               | ThS | ĐH | CD | TC | Dưới TC | Hạng III                   | Hạng II | Hạng I | Xuất sắc          | Khá | TBinh | Kém |
|     | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên | 115     | 0                | 6   | 97 | 4  | 5  | 3       | 66                         | 38      | 0      | 0                 | 88  | 16    | 0   |
| 1   | Nhân viên văn thư                              | 1       | 0                | 0   | 0  | 0  | 1  | 0       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |
| 2   | Nhân viên kế toán                              | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |
| 3   | Thủ quỹ                                        | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |
| 4   | Tư vấn học đường                               | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 1  | 0       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |
| 5   | Nhân viên y tế                                 | 1       | 0                | 0   | 0  | 0  | 1  | 0       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |
| 6   | Nhân viên thư viện                             | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |
| 7   | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm                 | 0       | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |
| 8   | Nhân viên công nghệ thông tin                  | 0       | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |
| 9   | Hợp đồng ND 111                                | 6       | 0                | 0   | 0  | 0  | 3  | 3       | 0                          | 0       | 0      | 0                 | 0   | 0     | 0   |

Học Môn ngày 06 tháng 9 năm 2024



Nguyễn Trung Sơn